

ỨNG DỤNG BÀI TẬP LÀM VIỆC ĐỘC LẬP TRONG VIỆC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC

LÊ VINH QUỐC*

1. Bài tập nhận thức trong giáo trình phương pháp dạy học Lịch sử ở Trường Đại học Sư phạm

Các nhà giáo dục Việt Nam không quá chậm trễ trong việc tiếp cận một số lý thuyết mới của khoa học giáo dục hiện đại ở các nước tiên tiến. Nhờ đó, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học đã được đặt ra ở nước ta ngay từ đầu thập kỷ 70 của thế kỷ vừa qua. Khi ấy, các nhà giáo dục Việt Nam đã đề ra phương châm “giảng dạy phát huy trí thông minh của học sinh”. Khoảng cuối thập kỷ 70, họ đã quan tâm phổ biến “kiểu dạy học nêu vấn đề” trong hoàn cảnh cụ thể của nền giáo dục nước ta. Trong thập kỷ 90, lý luận dạy học “lấy học sinh làm trung tâm” được tiếp nhận và một số người đã nêu ra phương châm “thầy chủ đạo và trò chủ động”.

Dựa trên những lý luận mới của khoa học giáo dục đó, các chuyên gia về phương pháp dạy học lịch sử đã nghiên cứu ứng dụng vào việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn ở nhà trường Việt Nam. Cuốn sách “Phương pháp dạy học Lịch sử” của Phan Ngọc Liên – Trần Văn Trị và các tác giả khác, dùng cho sinh viên khoa Sử các trường Đại học Sư Phạm, đã trình bày rất kỹ vấn đề “*phát triển tư duy học sinh trong học tập lịch sử*”. Sách đặc biệt nhấn mạnh *dạy học nêu vấn đề* để phát triển tư duy của học sinh. Các tác giả coi dạy học nêu vấn đề “là một hình thức tổ chức sự tìm tòi một điểm gì mới khi thu nhận tri thức thông qua cách giải quyết các vấn đề”¹. Bên cạnh đó, các tác giả xác nhận rằng *hệ thống bài tập nhận thức* là điều kiện cần thiết để phát triển tư duy học sinh trong học tập lịch sử. Bốn yêu cầu của *bài tập nhận thức* đã được nêu ra:

* GVC, Nhà Giáo ưu tú, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM.

- “Thứ nhất, làm cho học sinh nhận thức được sự kiện cơ bản của bài học (phân biệt những kiến thức thứ yếu, những sự kiện không cơ bản).

- Thứ hai, khôi phục được bức tranh quá khứ (sự kiện, quá trình, nhân vật) theo trình độ và yêu cầu học tập mỗi lớp.

- Thứ ba, nhận thức, phân tích sự kiện trong tình huống có vấn đề, rút ra bản chất, đặc trưng sự kiện, quy luật lịch sử.

- Thứ tư, vận dụng kiến thức đã biết để tiếp thu bài học mới trong hoạt động thực tiễn, nhằm phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thực hành của học sinh”.²

Bốn yêu cầu trên thể hiện 2 mức độ khác nhau về khả năng độc lập và sáng tạo của học sinh khi thực hiện bài tập. Các yêu cầu thứ nhất và thứ hai chỉ đòi hỏi học sinh vận dụng một số thao tác tư duy ở mức độ thấp để có thể nắm được kiến thức cơ bản của bài học (trong đó yêu cầu thứ nhất nhấn mạnh tư duy logic, còn yêu cầu thứ hai thiên về tư duy hình tượng). Các yêu cầu thứ ba và thứ tư đòi hỏi những kỹ năng tư duy cao hơn để giải quyết những vấn đề nhằm rút ra bản chất, đặc trưng sự kiện hay quy luật lịch sử (yêu cầu thứ ba) hoặc vận dụng kiến thức đã biết để phát triển tư duy sáng tạo và năng lực thực hành, nhằm tiếp thu thêm kiến thức mới hoặc giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra (yêu cầu thứ tư).

Các tác giả đã nêu lên một số câu hỏi và bài tập để kiểm tra kết quả học tập của học sinh, trong đó gồm 7 loại câu hỏi và bài tập trắc nghiệm: loại yêu cầu xác định đúng – sai, loại bài tập lựa chọn, loại yêu cầu xác lập mối quan hệ (giữa sự kiện lịch sử với nhân vật lịch sử, giữa sự kiện với niên đại, giữa sự kiện với không gian), loại yêu cầu sắp xếp sự kiện theo thứ tự thời gian, loại bài tập điền một câu vào ô trống, bài tập phân loại. Qua đó, có thể hình dung loại bài tập nhận thức theo quan điểm của các tác giả.

2. Bài tập lịch sử trong nhà trường trung học hiện nay

Hai cuốn sách “Phương pháp dạy học lịch sử” và “Thiết kế bài giảng lịch sử ở trường Trung học phổ thông” được đề cập ở trên đã dạy cho sinh viên khoa sử các trường Đại học sư phạm Việt Nam những khái niệm về bài tập nhận thức của bộ môn. Song, sau khi tốt nghiệp và trở thành giáo viên các trường trung học, họ hầu như không có điều kiện để

vận dụng loại bài tập này vào thực dạy học. Có những nguyên nhân dẫn đến thực trạng này:

a) Nguyên nhân đầu tiên thuộc về chương trình và sách giáo khoa hiện hành của bộ môn ở tất cả các cấp lớp, từ bậc Trung học Cơ sở (lớp 6, 7, 8, 9) đến Trung học phổ thông (lớp 10, 11, 12). Một công trình nghiên cứu về chương trình và sách giáo khoa hiện hành của bộ môn lịch sử các cấp lớp nói trên cho thấy rằng nội dung chương trình bất hợp lý và có nhiều nhược điểm, trong đó “chương trình bộ môn hoàn toàn coi nhẹ các vấn đề thuộc về tâm lý lứa tuổi, phương pháp bộ môn, phương pháp dạy học và rèn luyện kỹ năng thực hành”⁽³⁾. Do đó, tính sư phạm của sách giáo khoa rất yếu: “Phương pháp dạy học bộ môn được thể hiện hết sức mờ nhạt. Các tư liệu tối thiểu để giúp học sinh thực hiện các thao tác tư duy (như hình ảnh, bản đồ, biểu đồ, ...) đều rất thiếu và rất yếu”⁽⁴⁾. Trong sách giáo khoa của tất cả các cấp lớp không hề có một bài tập nhận thức nào. Thật dễ hình dung: khi dạy học bằng chương trình và sách giáo khoa như vậy, các giáo viên không có nhu cầu và ít có điều kiện để thực hiện các bài tập nhận thức cho học sinh.

b) Thứ hai, cách thức kiểm tra – đánh giá kiến thức hiện nay thường chỉ dựa trên một yêu cầu duy nhất với học sinh là khả năng học thuộc lòng câu chữ trong sách giáo khoa.

Những bài thi (hoặc kiểm tra) dưới dạng luận đề, đòi hỏi học sinh phải phân tích, tổng hợp kiến thức để giải quyết vấn đề, vốn có từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX trở về trước, nay hầu như không còn nữa. Phần lớn các đề thi (hoặc kiểm tra) của môn lịch sử hiện nay có đáp án là những đoạn chép trong sách giáo khoa. Cách thức thi và kiểm tra như vậy không đòi hỏi một kỹ năng tư duy nào, ngoài việc ghi nhớ máy móc. Để đối phó với cách thức thi và kiểm tra như vậy, người dạy không cần quan tâm đến việc rèn luyện các kỹ năng tư duy cho người học, nên cũng không cần quan tâm đến công cụ để rèn luyện các kỹ năng đó, như các bài tập nhận thức hay các bài tập làm việc độc lập cho học sinh ...

c) Thứ ba, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học bộ môn hiện nay rất được quan tâm, nhưng sự chỉ đạo để thực hiện việc đổi mới đó đang dừng lại ở những quan điểm tổng quát của phương hướng chung, chưa đi sâu nghiên cứu lý thuyết và thông tin về các phương pháp dạy học mới, chưa nghiên cứu ứng dụng để hướng dẫn giáo viên thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy học bộ môn. Bởi vậy, giáo viên rất khó (hoặc không

thể) đổi mới đúng đắn và có hiệu quả phương pháp dạy học của mình, và ít ai biết được giá trị của các bài tập trong việc dạy học lịch sử.

Do các nguyên nhân trên, nhà trường trung học hiện nay ở Việt Nam “chưa có quan niệm đầy đủ về sự cần thiết của hệ thống bài tập nhận thức trong học lịch sử (thậm chí có người cho rằng trong học tập lịch sử không có bài tập)⁽⁵⁾. Lẽ dĩ nhiên, chính vì vậy mà việc ứng dụng bài tập trong dạy học lịch sử ở nhà trường chưa được chính thức đặt ra (ngoại trừ một số nhiệm vụ thực hành như sưu tầm tranh ảnh lịch sử, vẽ bản đồ lịch sử ...).

Trong tình hình chung như vậy, một số giáo viên có năng lực vượt trội, bằng kinh nghiệm chuyên môn – nghiệp vụ của mình đồng thời tiếp cận được với phương pháp dạy học tiên tiến của nước ngoài, đã đạt được một số thành quả bước đầu trong việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử. Đặc biệt, có giáo viên đã ứng dụng thành công bài tập làm việc độc lập cho học sinh.

Vào đầu thập kỷ 70 của thế kỷ trước, khi “phương pháp dạy học thông minh” bắt đầu được đề cập, một giáo viên trẻ ở trường phổ thông cấp III Việt Trì (tỉnh Vĩnh Phú – nay là Phú Thọ) đã tự thiết kế một số bài tập làm việc độc lập theo khái niệm của A.V Efimov và ứng dụng ngay vào việc dạy học của mình.

Dưới đây là một số bài tập của giáo viên này áp dụng cho học sinh lớp 10 (hệ giáo dục phổ thông 10 năm) ở thời điểm lúc bấy giờ, kèm theo những lời phân tích và bình luận của chính ông về các bài tập của mình. (Xin lưu ý: các số liệu và kiến thức dùng trong các bài tập này được rút ra từ khóa trình lịch sử Việt Nam trong sách giáo khoa lịch sử lớp 10 xuất bản năm 1971, có nhiều khác biệt so với sách giáo khoa lịch sử lớp 12 hiện hành):

Bài tập 1: Hãy lập bảng so sánh chiến dịch Biên Giới thu đông 1950 với chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 về: Thế của ta và địch, sinh lực địch bị diệt, số lượng đất đai được giải phóng trong chiến dịch. Chiến dịch nào ta thắng lớn hơn? Nhận xét về tương quan lực lượng hai bên qua hai chiến dịch? (Bài tập này ra sau khi học bài “Chiến dịch Biên Giới thu đông 1950).

Yêu cầu của bài này là làm cho học sinh phải tự mình dùng phương pháp so sánh qua diễn biến và số liệu của hai chiến dịch để rút ra kết

luận về sự thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch sau 3 năm chiến tranh. Học sinh có thể hoàn thành bài này tương đối dễ:

Chiến dịch	Thế trong chiến dịch		Sinh lực địch bị diệt	Diện tích đất đai được giải phóng
	Ta	Địch		
Việt Bắc	Phòng ngự	Tấn công	3.300 tên	0
Biên Giới	Tấn công	Phòng ngự (bị động)	11.500 tên	4.000 km ²

Nhận xét: Chiến thắng Biên Giới lớn hơn chiến thắng Việt Bắc.

Trong chiến dịch Biên Giới, lực lượng ta lớn mạnh hơn trong chiến dịch Việt Bắc: ta từ chỗ phòng ngự để bảo vệ căn cứ địa trong chiến dịch Việt Bắc đã chuyển sang chủ động tấn công giải phóng một bộ phận lãnh thổ rộng lớn và tiêu diệt một số lượng sinh lực địch lớn gấp 3,5 lần so với chiến dịch Việt Bắc. Còn địch đã phải chuyển sang phòng ngự bị động và càng suy yếu thêm.

Bài tập 2: *Vẽ đồ thị số lượng sinh lực địch bị diệt:*

- a) *Qua các mùa chiến dịch : thu đông 1947, thu đông 1950, đông xuân 1951 – 1952, đông xuân 1952 – 1953, đông xuân 1953 – 1954.*
- b) *Qua các chiến dịch Việt Bắc, Biên Giới, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ.*

Nhận xét đồ thị và rút ra nhận định.

(Bài này ra sau khi học bài cuối cùng của phần thứ ba “Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ...”, trước bài tổng kết phần đó).

Yêu cầu về nội dung của bài này là góp phần củng cố luận điểm: ta càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng to hơn; thấy rõ bước nhảy vọt của ta trong chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Đông Xuân 1953 – 1954. Về phương pháp, nó hướng dẫn học sinh tự làm việc với số liệu lịch sử, với sách giáo khoa, nhận thức một vấn đề lịch sử bằng phương pháp định lượng ở mức độ sơ giản.

Thực hiện bài này, học sinh phải tự mình tiến hành một loạt thao tác tương đối phức tạp. Quá trình làm bài có thể chia làm ba bước:

- Bước 1: sưu tầm, phân tích và sắp xếp số liệu. Học sinh phải vận dụng trí nhớ, sách giáo khoa để tổng hợp số liệu. Có những số liệu được sách giáo khoa nêu sẵn; nhưng cũng có những số liệu học sinh phải tự tổng hợp lấy. Chẳng hạn: sinh lực địch bị diệt trong đông xuân 1952 – 1953 phải tổng hợp trên những con số sau đây:

- Chiến trường Tây Bắc	: 6000 tên
- Chiến trường phối hợp	:
+ Đồng bằng Bắc Bộ	: 5000 tên
+ Phú Thọ, Đoan Hùng	: 400 tên
Cộng	
	: 11.400 tên

- Bước 2: vẽ đồ thị

- Bước 3: nhận xét đồ thị và rút ra kết luận chung.

Phần này, nói chung học sinh nêu được các ý chính: mặc dù đồ thị là những đường gấp khúc nhưng hướng chung của chúng là hướng đi lên, đặc biệt đã lên vọt trong Đông Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Kết luận: cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta phát triển theo hướng đi lên, ta càng đánh càng thắng. Riêng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và Đông Xuân 1953 – 1954 có một vị trí đặc biệt: là chiến thắng lớn nhất, hơn hẳn các chiến thắng trước; điều đó chứng tỏ đến 1953 – 1954 cuộc kháng chiến của ta có một bước nhảy vọt có tính chất quyết định kết quả của toàn bộ cuộc chiến tranh.

Bài tập 3: *Vẽ bản đồ hình thái chiến trường sau chiến dịch Việt Bắc, trước và sau chiến dịch Biên Giới, đầu và cuối chiến dịch Hòa Bình, sau chiến dịch Tây Bắc, sau chiến dịch Điện Biên Phủ.*

Cơ sở của bài tập này là “Sơ đồ các vùng tự do và vùng tạm bị chiếm từ cuối năm 1949” trong sách giáo khoa (lịch sử lớp mười tập II, xuất bản năm 1971).

Thầy giáo sẽ ra lần lượt từng phần bài tập này cho học sinh hoàn thành sau khi học các chiến dịch nói trên. Bài tập này nhằm đạt các yêu cầu sau đây:

- củng cố nhận thức về vị trí vùng tự do và vùng tạm bị chiếm trên bản đồ cho học sinh sau mỗi chiến dịch để làm cơ sở nhận thức diễn biến của chiến dịch tiếp theo.

- Cho học sinh thấy rõ chiều hướng phát triển của hai vùng trong suốt cuộc kháng chiến – vùng tự do ngày càng mở rộng, vùng tạm bị chiếm ngày càng co hẹp – một cách cụ thể, trực quan nhằm bổ sung cho luận đề : ta càng đánh càng mạnh, càng mạnh càng thắng.

- Bồi dưỡng cho học sinh kỹ năng sử dụng bản đồ lịch sử, phương pháp nghiên cứu sự kiện, hiện tượng lịch sử bằng bản đồ.

Ta có thể coi bản đồ ở trang 16 sách giáo khoa (đã nói trên) là bản đồ hình thái chiến trường sau chiến dịch Việt Bắc, bởi vì từ sau chiến dịch Việt Bắc đến cuối năm 1949, hình thái chiến trường tương đối ổn định, không có sự thay đổi đáng kể. Do đó, sau khi học bài “Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947”, thầy giáo yêu cầu học sinh vẽ bản đồ ấy vào vở.

Sau bài “Chiến thắng Biên Giới, thu đông 1950” ra tiếp phần thứ hai của bài tập: vẽ bản đồ hình thái chiến trường trước và sau chiến dịch Biên Giới. Thực hiện phần này, học sinh phải nghiên cứu để tìm ra những miền đất có sự thay đổi giữa hai vùng và cách thể hiện chúng trên bản đồ. Muốn cho học sinh xây dựng được bản đồ “hình thái chiến trường trước chiến dịch Biên Giới” thầy giáo phải hướng dẫn các em tìm vị trí “hành lang Đông – Tây” của địch (dựa vào sách giáo khoa và bản đồ “chiến trường Bắc Bộ thu đông 1950” trong sách) trong đó nổi bật lên vị trí tỉnh Hòa – Bình nơi giữa khu Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ. Và học sinh sẽ thể hiện được điểm thay đổi đó trên bản đồ của mình. Nếu thầy giáo yêu cầu nhận xét thêm, học sinh sẽ dễ dàng nhận thấy căn cứ địa Việt Bắc của ta ở trong thế bị bao vây hoàn toàn.

Việc xây dựng bản đồ “Hình thái chiến trường sau chiến dịch Biên giới” có thể thực hiện dễ dàng sau khi nghiên cứu những vùng ta giải phóng trong thu đông 1950 (theo bản đồ “Chiến trường Bắc Bộ thu đông 1950, tr. 34, sách đã dẫn). Sau khi hoàn thành học sinh có thể nhận thức rõ thắng lợi của ta trong chiến dịch Biên Giới về giải phóng đất đai, giải tỏa Biên Giới, chọc thủng hành lang Đông – Tây.. qua hai bản đồ mà mình tự xây dựng.

Bằng những hoạt động tương tự như trên sau khi học mỗi chiến dịch, học sinh có thể xây dựng những bản đồ hình thái chiến trường đầu và cuối chiến dịch Hòa Bình (mà sự thay đổi hai vùng diễn ra chủ yếu ở tỉnh Hòa Bình), sau chiến dịch Tây Bắc. Để học sinh có thể xây dựng được bản đồ hình thái chiến trường sau chiến dịch Điện Biên Phủ, thầy giáo hướng dẫn các em sử dụng bản đồ “Các chiến trường phối hợp trong

Đông Xuân 1953 – 1954 và trong chiến dịch Điện Biên Phủ” (phụ bản tr. 73, sách đã dẫn) để tổng hợp các vùng tự do và căn cứ lớn, vùng mới giải phóng trong Đông Xuân, khu du kích trên toàn cõi Đông Dương trong một khái niệm chung là “vùng tự do”; phần còn lại là vùng bị chiếm. Sau đó sẽ vẽ riêng phần chiến trường Việt Nam với hai vùng.

Sau khi hoàn thành bản đồ cuối cùng của bài tập, thầy giáo cho học sinh nhận xét tổng quát sự thay đổi hình thái chiến trường trên những ý sau:

- Sự thay đổi tỷ lệ diện tích giữa vùng tự do và vùng tạm bị chiếm theo thời gian. Ý nghĩa của vấn đề này?
- Ước lượng tỷ lệ diện tích giữa hai vùng sau chiến dịch Việt Bắc và sau chiến dịch Điện Biên Phủ.
- Hình thái chiến trường biến đổi nhiều nhất ở miền nào của đất nước? Vì sao?

Giải quyết xong những vấn đề này là đạt được các yêu cầu đề ra cho bài tập.

Bài tập 4: *Lập biểu đồ tiến triển các giai đoạn của cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp (với những sự kiện chủ yếu)*

Bài này ra sau khi đã tổng kết phần thứ ba. Yêu cầu của bài tập này là giúp học sinh phương pháp hệ thống hóa vấn đề bằng cách xây dựng biểu đồ; qua đó biết một cách sơ lược việc phân chia giai đoạn lịch sử, về các mốc thời gian của sự kiện, về tầm vóc và vị trí các biến cố trong một sự kiện v.v...

Để giúp học sinh xây dựng được biểu đồ, thầy giáo phải có một quá trình chuẩn bị trước cả về nội dung và phương pháp. Về nội dung, cần phải nêu bật các giai đoạn của cuộc kháng chiến, vạch rõ các mốc phân chia các giai đoạn đó và giúp học sinh hình dung lại các sự kiện trong từng giai đoạn. Về phương pháp, thầy giáo hướng dẫn sơ bộ cho học sinh biết dạng biểu diễn của biểu đồ. Có thể biểu diễn dưới dạng trục số với mũi tên chỉ theo chiều thời gian và trên mũi tên đó đặt các mốc lịch sử.

Làm bài tập này, học sinh phải gợi nhớ, tổng hợp các sự kiện, sắp xếp chúng lại theo đúng vị trí về thời gian và tầm vóc của chúng nằm trong quá trình của cuộc kháng chiến 9 năm.

Ngoài 4 bài tập đã nêu trên, trong quá trình giảng dạy phần chương trình này, chúng ta có thể xây dựng nhiều bài tập khác với những yêu cầu khác nhau.

Sau cùng, tác giả của các bài tập trên nhận định: “Khâu cơ bản để có thể phát huy trí thông minh của học sinh là tăng cường các hoạt động và các thao tác tư duy độc lập của học sinh đến mức độ cao nhất. Việc áp dụng bài tập làm việc độc lập cho học sinh chính là việc chủ yếu để thực hiện khâu cơ bản đó của bộ môn lịch sử. Bởi vì loại bài tập này có tác dụng rất tích cực trong việc phát huy tư duy độc lập và chủ động của học sinh trong quá trình nhận thức, hướng dẫn các em phương pháp và thao tác tư duy để tự mình đi đến nhận thức”⁽⁶⁾.

Năm 1995, một bài tập làm việc độc lập đã xuất hiện trong cuốn “Tài liệu giáo khoa thí điểm lịch sử 12, ban khoa học xã hội” của Nhà xuất bản giáo dục, để giảng dạy thí điểm cho chương trình phổ thông trung học “chuyên ban”. Bài tập đó như sau:

3. Bài tập trong tài liệu giáo khoa thí điểm

Trong Bài 4 “Quan hệ quốc tế trong những năm 1919 – 1939”, ở mục viết về Hệ thống Vecxai – Oasinhton và việc phân chia lại thế giới sau chiến tranh, sách này đã trình bày hai bản đồ chính trị châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ nhất”. Trên cơ sở đó, sách đưa ra bài tập:

“So sánh bản đồ châu Âu năm 1923 với bản đồ châu Âu năm 1914 và nêu rõ: quốc gia nào đã biến mất, những nước nào mới ra đời, những nước nào có sự thay đổi về lãnh thổ.”⁽⁷⁾

Trong bài tập này, tác giả đã nêu vấn đề (xác định sự biến đổi bản đồ chính trị châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ nhất), cung cấp thông tin bằng hình ảnh (hai tấm bản đồ châu Âu trong đó nổi bật các đường biên giới quốc gia cũ trong năm 1914 và mới của năm 1923) để học sinh tự xử lý thông tin (so sánh nội dung hai bản đồ), qua đó “phát hiện” các tri thức mới: sau chiến tranh thế giới thứ nhất đế quốc Áo – Hung đã biến mất, một loạt quốc gia mới ra đời (Áo, Hunggari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Nam Tư, Phần Lan, Estônia, Latvia, Litva), nhiều nước có sự thay đổi về lãnh thổ (Đức bị thu hẹp và chia cắt, Italia cùng Hy Lạp và Rumania được mở rộng lãnh thổ, Bungari bị thu hẹp và mất đường ra biển Egiê...).

Thực hiện bài tập này, học sinh được rèn luyện kỹ năng đọc bản đồ lịch sử, làm việc với bản đồ để phát hiện tri thức từ bản đồ. Thay vì học thuộc những dòng chữ khô khan, trừu tượng và nhàm chán trong sách, học sinh được tiếp thu tri thức bằng hoạt động độc lập và chủ động qua thông tin cụ thể bằng hình ảnh. Các thông tin trên bản đồ càng cụ thể và chính xác bao nhiêu, thì tri thức mà học sinh lĩnh hội được càng sâu

sắc và phong phú bấy nhiêu (tiếc rằng 2 bản đồ in trong sách chỉ mới là 2 bản lược đồ rất khái quát, chưa đầy đủ, thiếu chính xác và thiếu nhiều chi tiết). Những tri thức được học sinh lĩnh hội một cách chủ động thông qua các kỹ năng tư duy của chính mình sẽ tồn tại vững bền trong tâm trí các em. Những kỹ năng được rèn luyện qua bài tập này sẽ giúp các em biết cách vận dụng khi gặp những thông tin tương tự.

Nếu được thực hiện ngay trên lớp, bài tập này sẽ làm cho lớp học trở nên rất sinh động với nhiều phát hiện của học sinh, đồng thời giúp học sinh đi sâu và mở rộng kiến thức hơn nữa nhờ những câu hỏi bổ sung (do đâu mà đế quốc Áo – Hung bị diệt vong? Do sự kiện nào mà đế quốc Đức trở thành nước Đức theo chế độ cộng hòa? Văn kiện nào đã điều chỉnh lãnh thổ Đức? Sự kiện nào đã làm cho đế quốc Nga trở thành Liên Xô? Quốc gia Xéc-bi có bị diệt vong không? ...).

Bài tập này tồn tại trong cuốn “Tài liệu giáo khoa thí điểm...” được 5 năm, cho đến khi tài liệu này được tái bản lần cuối cùng vào năm 1999 và việc dạy học thí điểm chương trình Phổ thông Trung học “chuyên ban” chấm dứt một năm sau đó.

4. Kết luận

Phương hướng chủ đạo của việc đổi mới giáo dục nói chung cũng như đổi mới dạy học các bộ môn nói riêng là phát huy tối đa khả năng và kỹ năng trí tuệ hay tư duy phê phán của học sinh trong quá trình lĩnh hội tri thức, làm cho học sinh có vai trò độc lập, chủ động của người tự học và tự nghiên cứu, để giải quyết các vấn đề và “phát hiện” các tri thức cần đạt tới.

Tại các nước tiên tiến, phương pháp dạy học mới của bộ môn lịch sử đã thể hiện phương hướng này rất rõ ràng và đầy đủ. Đối với phương pháp dạy học mới này, các bài tập lịch sử trở nên rất quan trọng, trong đó các bài tập làm việc độc lập (hay bài tập kích thích) có vai trò then chốt. Loại hình bài tập làm việc độc lập rất đa dạng và mang đầy đủ đặc trưng của phương pháp dạy học mới. Tác dụng tích cực của loại bài tập này đã được khẳng định vững chắc. Tùy theo sự phát triển của các phương tiện thông tin và giáo dục, loại bài tập này luôn được sáng tạo, hoàn thiện và nâng cao để phát huy tác dụng hơn nữa trong việc dạy học lịch sử ở thế kỷ XXI. Có thể nói rằng, từ chỗ là sản phẩm của việc đổi mới phương pháp dạy học lịch sử, bài tập làm việc độc lập đã trở thành công cụ trọng yếu của phương pháp dạy học mới. Do vậy, việc ứng dụng

bài tập làm việc độc lập là hết sức cần thiết trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học lịch sử.

Toàn bộ phương pháp dạy học mới và việc thiết kế các bài tập lịch sử không phải dễ thực hiện trong bất cứ điều kiện nào. Đổi mới phương pháp dạy học chỉ là một khâu trong việc đổi mới dạy học bộ môn bao gồm nhiều khâu có mối quan hệ tương tác chặt chẽ với nhau: mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, đánh giá... Do đó, muốn thực hiện thành công việc đổi mới phương pháp dạy học, các nhà giáo dục cần phải nghiên cứu và giải quyết đồng bộ các vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới tất cả các khâu trong quy trình dạy học bộ môn. Trên cơ sở đó, việc đổi mới phải được thể hiện trong chương trình, sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học các loại, trong các phương tiện kỹ thuật phục vụ dạy học và trong phương pháp đánh giá mới... Chỉ khi ấy, các bài tập lịch sử, bao gồm các bài tập làm việc độc lập, mới thực sự được ứng dụng trong việc dạy học lịch sử ở nhà trường.

Chú dẫn:

- ⁽¹⁾ Phan Ngọc Liên – Trần Văn Trị (chủ biên), (1999): *Phương pháp dạy học lịch sử*. NXB Giáo dục, Hà Nội; tr. 113
- ⁽²⁾ Phan Ngọc Liên – Trần Văn Trị (chủ biên), (1999): sách đã dẫn; tr.116.
- ⁽³⁾ Lê Vinh Quốc (chủ nhiệm) và Phan Thế Kim, Nguyễn Duy Tuấn, Nguyễn Thị Thu, Trần Hương Văn (2001) : *Nghiên cứu chương trình và sách giáo khoa cải cách của bộ môn Lịch sử ở trường Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông (khảo sát qua thực tiễn dạy học tại TP. Hồ Chí Minh)*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (lưu trữ tại Phòng Khoa học – Công nghệ và Sau Đại học, trường Đại học Sư Phạm TP. Hồ Chí Minh); tr.185.
- ⁽⁴⁾ Lê Vinh Quốc (chủ nhiệm), (2001): tài liệu đã dẫn, tr.186.
- ⁽⁵⁾ Phan Ngọc Liên – Trần Văn Trị (chủ biên), (1999): sách đã dẫn; tr.115.
- ⁽⁶⁾ Lê Vinh Quốc (1971) : *Bài tập làm việc độc lập của bộ môn Lịch sử cho học sinh cấp 3*. Trường Phổ thông Cấp 3 Việt Trì, Vĩnh Phú (hồ sơ lưu trữ tại Trường và Ty Giáo dục Vĩnh Phú); tr.6.
- ⁽⁷⁾ Nguyễn Anh Thái (chủ biên) và Nguyễn Quốc Hùng, Lê Vinh Quốc, Trần Thị Vinh (1995): *Lịch sử 12 Ban Khoa học Xã hội*. NXB Giáo dục, Hà Nội; tr.61.

Tóm tắt:

**Ứng dụng bài tập làm việc độc lập
trong việc đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học**

Dựa trên lý thuyết giáo dục hiện đại của Benjamin S. Bloom, Mathew Lipman Robert Sternberg, tác giả phác thảo một chiến lược chung về phương pháp dạy học mới, nhấn mạnh việc dạy tư duy, phê phán và các khả năng và kỹ năng phát huy trí tuệ cho học sinh.

Ở bộ môn lịch sử, chiến lược này được đáp ứng bằng "bài tập làm việc độc lập", loại bài tập được thiết kế nhằm đòi hỏi học sinh vận dụng những khả năng và kỹ năng trí tuệ của mình để tự phát hiện hoặc "phát hiện lại" những tri thức cần thiết.

Abstract:

**Adapting autonomous exercises to innovation of
history teaching strategy at high schools**

Based on the educational theory by Benjamin S. Bloom, Mathew Lipman and Robert Sternberg, the author outlines a strategy for innovation of teaching at high school, focusing on the importance of teaching critical thinking.

In the subject, this strategy has been responded by "the autonomous exercises", the style of exercises designed to ask students to apply their intellectual abilities and skills to solving problems, "discovering" or "rediscovering" essential knowledge.